

NHỮNG LỢI ÍCH VÀ THÁCH THỨC CỦA CHƯƠNG TRÌNH TIẾNG ANH LỘ TRÌNH 5 HỌC PHẦN THEO MÔ HÌNH HỌC TẬP KẾT HỢP TẠI ĐẠI HỌC BÁCH KHOA HÀ NỘI

ĐỖ THU PHƯƠNG

Khoa Ngoại ngữ, Đại học Bách khoa Hà Nội

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 16/03/2026. Duyệt đăng 20/03/2026.

Abstract

In order to enhance the effectiveness of English teaching and learning for non-English-major students, Hanoi University of Science and Technology has implemented the English Discoveries program, developed by ILG Vietnam in collaboration with the Educational Testing Service (ETS), based on a blended learning model since October 2022. This paper aims to provide an overview of the blended learning model, describe the structure of the five-module English program, and analyze the benefits and challenges arising from its implementation. The findings indicate that the blended learning model contributes to increased flexibility, promotes learner autonomy, and effectively supports students' preparation for the TOEIC examination. However, several limitations related to content design, technical infrastructure, and students' learning habits remain. Based on these findings, the paper proposes several recommendations to further improve the program and enhance the effectiveness of its implementation in the future.

Keywords: Benefits, blended learning model, challenges, English Discoveries (Workbook and online), TOEIC test.

1. Đặt vấn đề

Theo Quy định về phân loại trình độ đầu vào và chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với sinh viên (SV) hệ đại học chính quy của Đại học Bách khoa (ĐHBK) Hà Nội [1], SV từ khóa K70 phải tham gia kiểm tra đầu vào để được phân lớp hoặc xét miễn học Tiếng Anh. Những SV có trình độ dưới B1 (tương đương dưới 350 điểm TOEIC cho 2 kĩ năng nghe và đọc) cần hoàn thành các học phần Tiếng Anh theo lộ trình quy định nhằm đảm bảo khối lượng tín chỉ và đạt chuẩn đầu ra bốn kỹ năng. Nhằm đáp ứng yêu cầu này, từ tháng 10/2022, nhà trường đã triển khai chương trình English Discoveries (ED) do Edusoft - Viện Khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ (ETS) phát triển [2]. Chương trình được thiết kế theo mô hình học tập kết hợp (blended learning), tích hợp giữa giảng dạy trực tiếp và học trực tuyến [3], trên nền tảng công nghệ, đem lại môi trường học tập linh hoạt và hiện đại cho SV khối kỹ thuật. Tuy nhiên, việc áp dụng mô hình mới cũng đặt ra một số câu hỏi về tính phù hợp, hiệu quả và các thách thức trong quá trình triển khai.

Từ thực tiễn đó, nghiên cứu tập trung làm rõ: 1) Đặc điểm và ưu thế của mô hình học tập kết hợp trong dạy - học Tiếng Anh; 2) Lộ trình chương trình tiếng Anh 5 học phần theo chương trình ED; 3) Những lợi ích và thách thức khi triển khai tại ĐHBK Hà Nội. Nghiên cứu sử dụng phương pháp hỗn hợp (mixed methods) thông qua thu thập phản hồi của GV, SV và phân tích tài liệu. Trên cơ sở các kết quả thu được, bài báo đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của chương trình ED, góp phần cải thiện chất lượng dạy - học Tiếng Anh cho SV không chuyên ngữ tại ĐHBK Hà Nội

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái quát về mô hình học tập kết hợp và những nguyên tắc áp dụng hiệu quả mô hình này

2.1.1. Khái quát về mô hình học tập kết hợp

Học tập kết hợp (blended learning) là mô hình giáo dục tích hợp giữa hình thức giảng dạy trực tiếp

Email: phuong.dothu@hust.edu.vn

trên lớp (face-to-face instruction) và học tập trực tuyến (online learning) nhằm khai thác ưu thế của cả hai phương thức trong việc nâng cao hiệu quả học tập. Thay vì dựa hoàn toàn vào một hình thức đào tạo đơn lẻ, mô hình này tạo ra môi trường học tập linh hoạt, trong đó người học có thể chủ động tiếp cận nội dung học tập thông qua công nghệ, đồng thời duy trì sự tương tác trực tiếp với GV và bạn học. Theo Garrison và Vaughan (2013) [4], học tập kết hợp không đơn thuần là sự “cộng gộp” hai hình thức học mà là một thiết kế sư phạm có chủ đích, trong đó các hoạt động trực tiếp và trực tuyến được tích hợp chặt chẽ nhằm hỗ trợ lẫn nhau. Bản chất của mô hình này nằm ở việc kết hợp việc cung cấp nội dung trực tuyến với các yếu tố tương tác, phản hồi và cá nhân hóa trong lớp học truyền thống. Xét về phương diện sư phạm, mô hình học tập kết hợp cho phép khắc phục những hạn chế của từng phương thức riêng lẻ, đồng thời tạo điều kiện phát triển tính tự chủ, năng lực tự học và khả năng tương tác xã hội của người học. Vì vậy, học tập kết hợp được đánh giá là đặc biệt phù hợp với giảng dạy ngoại ngữ trong bối cảnh giáo dục đại học hiện nay.

Theo Hồ Ngọc Khương (2021) [8], các mức độ của mô hình dạy học kết hợp có thể được thực hiện ở nhiều mức độ khác nhau như: 1) Kết hợp ở mức độ hoạt động (activity level), xảy ra khi một hoạt động học tập chứa cả hai hình thức trực tiếp và trực tuyến; 2) Kết hợp ở mức độ khóa học (course level), đòi hỏi một sự kết hợp của các hoạt động trực tiếp và trực tuyến riêng biệt trong một khóa học; 3) Kết hợp ở mức độ chương trình (program level); 4) Kết hợp ở mức độ đơn vị đào tạo (institutional level). Trong đó, việc áp dụng dạy học kết hợp ở mức khóa học diễn ra phổ biến nhất. Các nhà thiết kế/GV có khả năng đóng vai trò quy định sự kết hợp ở cấp độ khóa học. Các nhà nghiên cứu về cơ bản đồng thuận về tỉ lệ kết hợp giữa thành phần trực tiếp và trực tuyến, theo đó, học tập kết hợp bao gồm từ 30% - 79% nội dung được truyền tải trực tuyến.

2.1.2. Một số nguyên tắc áp dụng mô hình học tập kết hợp hiệu quả

Theo Graham (2006) [5], có 5 nguyên tắc cần được đảm bảo khi áp dụng mô hình học tập kết hợp trong giảng dạy Tiếng Anh nhằm đem lại hiệu quả: 1) Tạo ra môi trường học tập có sự phong phú sư phạm, trong đó các phương thức được kết hợp có mối quan hệ tương hỗ (các hoạt động của lớp học trực tiếp và hoạt động học trực tuyến có mối quan hệ gắn kết chặt chẽ, bổ sung, hỗ trợ thúc đẩy cho nhau); 2) Khuyến khích SV học tập hợp tác, tăng cường sự tương tác xã hội và sử dụng tiếng Anh cho mục đích giao tiếp; 3) Cung cấp các phản hồi thường xuyên, mang tính chất xây dựng cho các hoạt động mà SV tham gia; 4) Phát triển tính chủ thể của mỗi cá nhân (khả năng tự chủ, tự quản lý quá trình học tập cũng như sự lựa chọn mang tính cá nhân của mỗi người học); 5) Mở rộng khả năng tiếp cận với các nguồn tài nguyên học liệu đa dạng cũng như cơ hội để thể hiện các sản phẩm, ý kiến quan điểm của SV.

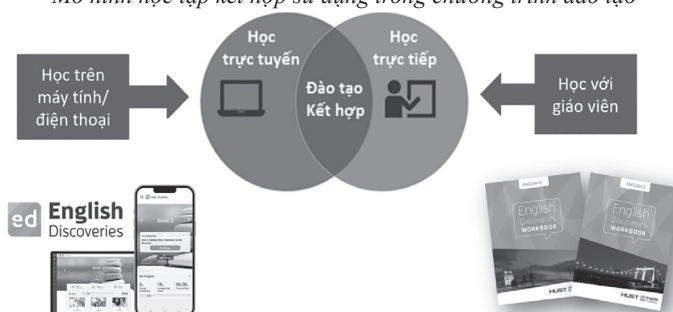
2.1.3. Vai trò của học tập tự chủ trong mô hình học tập kết hợp

Một trong những yếu tố cốt lõi quyết định sự thành công của mô hình học tập kết hợp là học tập tự chủ (learner autonomy). Theo Holec (1981) [6], học tập tự chủ là khả năng của người học trong việc tự chịu trách nhiệm đối với quá trình học tập của bản thân, bao gồm việc xác định mục tiêu, lựa chọn phương pháp học và tự đánh giá kết quả. Trong môi trường học tập kết hợp, vai trò của người học có sự chuyển dịch rõ rệt từ vị trí thụ động sang chủ động. Người học không chỉ tiếp nhận kiến thức từ GV mà còn phải tự QLTK, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trực tuyến và chủ động tìm kiếm tài liệu bổ trợ. Đối với SV khối kỹ thuật, việc phát triển năng lực tự học càng trở nên quan trọng bởi các em cần cập nhật liên tục những kiến thức công nghệ thay đổi từng giờ. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cho thấy SV Việt Nam vẫn chưa quen với hình thức học tập này, do đã quen với mô hình học truyền thống mang tính định hướng cao từ GV. Do đó, việc triển khai blended learning không chỉ là thay đổi phương thức dạy học mà còn đòi hỏi sự chuyển đổi về nhận thức và kỹ năng học tập của SV.

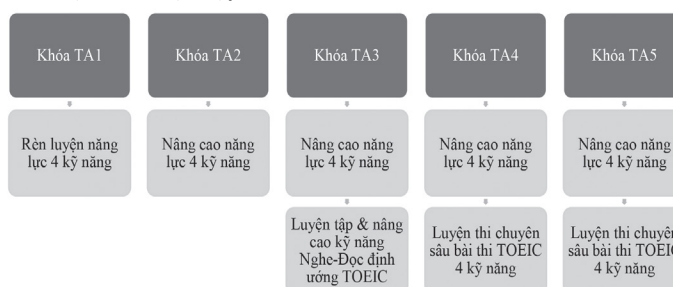
2.2. Chương trình và lộ trình tiếng Anh 5 học phần theo mô hình học tập kết hợp

Chương trình đào tạo Tiếng Anh hiện đang được triển khai tại ĐHBK Hà Nội bao gồm 5 khóa học được thiết kế với mô hình học tập kết hợp nhằm nâng cao toàn diện 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết và định hướng bài thi TOEIC giúp SV chinh phục hiệu quả bài thi chuẩn đầu ra TOEIC ở cả 4 kỹ năng.

Mô hình học tập kết hợp sử dụng trong chương trình đào tạo



SV khối Kỹ thuật tại ĐHBK Hà Nội học Tiếng Anh theo chương trình ED do Edusoft (thuộc Viện khảo thí Giáo dục Hoa Kỳ) thiết kế cho bao gồm 12 bài trong 16.5 tuần học và kiểm tra, đánh giá. Với mỗi bài, SV có 2 tiết học trên lớp với GV với nội dung giới thiệu nội dung bài học trực tuyến và xây dựng kỹ năng Nghe-Đọc. Sau đó, SV phải tự học tối thiểu 3 tiết trên nền tảng công nghệ số có sự hỗ trợ từ GV nhằm tiếp nhận kiến thức Từ vựng-ngữ pháp & luyện tập thực hành 4 kỹ năng. Cuối cùng, SV có 2 tiết học học tập trên lớp cùng GV với nội dung: Ôn tập & mở rộng bài học trực tuyến và Xây dựng kỹ năng Nói-Viết. Tỷ lệ học tập kết hợp là 33% trực tuyến và 67% trực tiếp. Dưới đây là lộ trình học tập tổng thể của 5 khóa học đảm bảo 2 mục tiêu học tập nêu trên:



Kết thúc lộ trình 5 khóa học, SV đạt trình độ tương đương 500 điểm TOEIC Nghe-Đọc, 120 điểm TOEIC Nói và 120 điểm TOEIC Viết, đáp ứng chuẩn đầu ra tối thiểu trình độ bậc 3 theo Quyết định số về về phân loại trình độ đầu vào và chuẩn năng lực ngoại ngữ đối với SV hệ đại học chính quy tại ĐHBK Hà Nội [1].

2.3. Những lợi ích khi áp dụng mô hình học tập kết hợp theo chương trình ED

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học hiện nay, mô hình học tập kết hợp ngày càng được áp dụng rộng rãi nhằm nâng cao hiệu quả dạy và học Tiếng Anh. Chương trình ED là một trong những mô hình tiên tiến, kết hợp hài hòa giữa học tập trực tuyến và học trực tiếp trên lớp. Dưới đây là một số lợi ích khi áp dụng mô hình học tập kết hợp theo chương trình ED.

2.3.1. Hệ thống học trực tuyến ED đồng bộ

Chương trình *English Discoveries*, do Edusoft - thành viên của Viện Khảo thí giáo dục Hoa Kỳ (ETS) nghiên cứu và phát triển được sử dụng xuyên suốt trong 5 khóa học, cung cấp một nền tảng học tập trực tuyến đồng bộ, linh hoạt, có thể sử dụng trên cả máy tính và điện thoại. Nội dung được thiết kế phong phú với đa dạng bài tập, các công cụ tương tác, hỗ trợ hiện đại cùng các tài liệu bổ trợ chất lượng cao được cập nhật liên tục.

2.3.2. Phát triển toàn diện kiến thức và kỹ năng ngôn ngữ

Chương trình tập trung củng cố cho SV từ vựng, ngữ pháp về các chủ đề quen thuộc. Ở các khóa học cao hơn, nội dung dần mở rộng sang với các lĩnh vực công việc, xã hội và những chủ đề thường gặp trong bài thi TOEIC. SV được rèn luyện đồng đều cả 4 kỹ năng ngôn ngữ, giúp các em không chỉ sử dụng tiếng Anh tự tin và hiệu quả trong cuộc sống, học tập và công việc mà còn xây dựng nền tảng vững chắc để chinh phục bài thi TOEIC.

2.3.3. Cơ hội thực hành và ứng dụng ngôn ngữ

Nội dung học tập trực tiếp trên lớp với GV được thiết kế với định hướng thực hành và ứng dụng cao, tập trung phát triển kỹ năng sản sinh ngôn ngữ (nói và viết) thông qua các hoạt động đa dạng. SV thường xuyên tham gia vào các hoạt động làm việc theo cặp/nhóm, tạo môi trường học tập năng động, tương tác và mang tính hỗ trợ cao.

2.3.4. Hỗ trợ từ giáo viên và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật

Tham gia học các khóa học, SV sẽ được hỗ trợ tận tình từ GV và đội ngũ hỗ trợ kỹ thuật trong suốt quá trình học tập cả về nội dung học tập và các vấn đề kỹ thuật liên quan đến hệ thống học trực tuyến. Sự đồng hành này không chỉ giúp SV vượt qua những khó khăn trong quá trình học mà còn tạo động lực để các em đạt được mục tiêu cá nhân trong việc phát triển năng lực ngôn ngữ. Nhìn chung, mô hình học tập kết hợp theo chương trình ED mang lại nhiều giá trị tích cực trong việc phát triển toàn diện năng lực tiếng Anh cho SV, từ kiến thức nền tảng đến định hướng thi TOEIC. Việc tích hợp mục tiêu TOEIC ngay từ các học phần đầu tiên cũng là một điểm mạnh của chương trình. Thay vì chỉ tập trung vào luyện thi ở giai đoạn cuối, chương trình đã lồng ghép các dạng bài TOEIC vào quá trình học, giúp SV làm quen dần với cấu trúc đề thi và phát triển kỹ năng làm bài một cách bền vững. Sự kết hợp giữa hệ thống học trực tuyến hiện đại và các hoạt động thực hành trên lớp cùng với sự hỗ trợ từ GV và đội ngũ kỹ thuật đã tạo nên môi trường học tập linh hoạt, hiệu quả và giàu tính tương tác.

2.4. Những thách thức khi áp dụng mô hình học tập kết hợp theo chương trình ED

Mặc dù mô hình học tập kết hợp và nền tảng English Discoveries (ED) mang lại nhiều lợi ích trong việc đổi mới phương pháp giảng dạy ngoại ngữ, kết quả triển khai thực tế tại ĐHBK Hà Nội cho thấy vẫn tồn tại nhiều thách thức ở cả cấp độ chương trình, giảng dạy, công nghệ và người học.

2.4.1. Thách thức trong thiết kế nội dung và cấu trúc chương trình

Liên kết lồng ghép giữa bài học trực tiếp và trực tuyến: Mục tiêu bài học trên ED chưa đồng nhất với hoạt động trên lớp, khiến GV khó xây dựng chuỗi nhiệm vụ học tập liền mạch.

Một số chủ đề và tình huống còn xa rời thực tế: Một số chủ đề phức tạp hoặc có tính học thuật cao (emergency, ecotourism, exchange program), không phù hợp với bối cảnh học tập và trải nghiệm sống của SV kỹ thuật, làm giảm động lực học.

Hoạt động thực hành chưa phong phú: Sách workbook thiếu hoạt động trải nghiệm (project-based tasks, task-based learning), khiến SV ít có cơ hội luyện tập phát triển kỹ năng giao tiếp và tư duy phản biện.

2.4.2. Thách thức trong triển khai giảng dạy trên lớp

Tính tương tác chưa cao: Giáo trình in ít tranh ảnh, hình thức trình bày đơn điệu khiến hoạt động trên lớp phụ thuộc nhiều vào GV.

Khối lượng công việc giảng dạy tăng: Khi áp dụng mô hình blended learning, GV phải theo dõi tiến độ học trực tuyến, hỗ trợ kỹ thuật và phản hồi cho SV nhiều hơn so với lớp học truyền thống.

2.4.3. Thách thức từ hệ thống và hạ tầng công nghệ chương trình ED

Lỗi kỹ thuật: Không lưu bài, không chấm điểm nói, lỗi ghi âm hoặc thoát hệ thống bất thường gây gián đoạn học tập.

Khả năng gian lận cao: SV dễ hoàn thành nhiệm vụ bằng cách click nhanh, xem đáp án gợi ý nhiều lần, hoặc chia sẻ đáp án làm giảm độ tin cậy của điểm quá trình.

Phụ thuộc thiết bị: ED hoạt động tốt nhất trên máy tính; nhiều SV không có laptop hoặc điều kiện mạng ổn định nên gặp khó khăn khi làm bài.

2.4.4. Thách thức từ năng lực và thói quen học tập của sinh viên

Thiếu kỹ năng tự học và QLTD: Đây là yêu cầu quan trọng của mô hình lớp học đảo ngược nhưng nhiều SV chưa có thói quen này, dẫn đến không chuẩn bị bài, làm bài đối phó hoặc bỏ tiết.

Thiếu động lực học Tiếng Anh: SV kỹ thuật thường xem tiếng Anh chỉ là môn học bắt buộc, không gắn với chuyên ngành hoặc mục tiêu nghề nghiệp, làm ảnh hưởng đến sự kiên trì.

Chênh lệch trình độ lớn trong cùng lớp: Lớp học có SV từ A1 đến B1+ khiến GV khó thiết kế hoạt động phù hợp cho tất cả người học.

2.4.5. Thách thức ở góc độ quản lý và vận hành chương trình

Chưa có cơ chế giám sát tiến độ học trực tuyến đồng bộ giữa các lớp.

Thiếu tập huấn sâu về phương pháp sư phạm dành cho blended learning: Nhiều GV quen với phương pháp truyền thống nên khó thích nghi.

Việc triển khai mô hình học tập kết hợp thông qua chương trình English Discoveries (ED) tại ĐHBK Hà Nội là bước chuyển đổi quan trọng nhằm hiện đại hóa hoạt động giảng dạy Tiếng Anh, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục trong bối cảnh chuyển đổi số. Chương trình đã bước đầu mang lại những lợi ích rõ rệt, đặc biệt trong việc mở rộng cơ hội tự học, đa dạng hóa tài nguyên học liệu và tạo môi trường học tập linh hoạt cho SV. Tuy nhiên, kết quả phản hồi từ GV - SV cho thấy chương trình vẫn tồn tại nhiều thách thức ở các khía cạnh: 1) Thiết kế nội dung và giáo trình; 2) Hoạt động giảng dạy trên lớp; 3) Hệ thống và hạ tầng công nghệ; 4) Năng lực và thói quen học tập của SV. Những hạn chế này ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ tham gia, động lực và kết quả học tập của SV, đồng thời làm giảm hiệu quả vận hành tổng thể của mô hình học tập kết hợp. Do đó, để phát huy tối đa những ưu điểm của chương trình ED và nâng cao chất lượng dạy - học Tiếng Anh tại ĐHBK Hà Nội, việc điều chỉnh, hoàn thiện chương trình và cải thiện hệ thống hỗ trợ là hết sức cần thiết.

2.5. Một số khuyến nghị

Dựa trên các thách thức đã phân tích và đối chiếu với 5 nguyên tắc bảo đảm hiệu quả của mô hình học tập kết hợp (Graham, 2006) [5], nghiên cứu đề xuất một số khuyến nghị nhằm nâng cao tính liên kết sư phạm, tăng cường tương tác xã hội, phát triển năng lực tự học và mở rộng khả năng tiếp cận học liệu và tài nguyên học tập - những thành tố cốt lõi của học tập kết hợp.

2.5.1. Hoàn thiện thiết kế nội dung chương trình và giáo trình

Tăng cường sự liên kết chặt chẽ giữa nội dung trực tiếp (workbook) và nội dung trực tuyến (ED) để các hoạt động trên lớp và online bổ trợ cho nhau, đúng tinh thần “tương hỗ sư phạm” của mô hình học tập kết hợp là tạo ra môi trường học tập với sự phong phú sư phạm và tính hỗ trợ lẫn nhau giữa hai hình thức học; Điều chỉnh chủ đề, bối cảnh và tình huống giao tiếp theo hướng gần gũi, có tính ứng dụng cao, phù hợp với SV kỹ thuật, từ đó nâng cao động lực và tính cá nhân hóa của quá trình học; Bổ sung các hoạt động trải nghiệm theo nhiệm vụ (task-based learning) và dự án (project-based learning), giúp SV áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế phù hợp với quan điểm của Garrison & Vaughan (2008) [4], về phát triển năng lực giao tiếp và tư duy phản biện trong môi trường blended learning.

2.5.2. Cải thiện phương pháp và hoạt động giảng dạy trên lớp

Thiết kế bộ tài nguyên giảng dạy thống nhất, hỗ trợ GV triển khai hoạt động nhóm, cặp đôi và bài tập giao tiếp nhằm tăng cường tương tác xã hội và hợp tác học tập - yếu tố được xem là “không thể thay thế” của lớp học trực tiếp trong blended learning; Ứng dụng đa phương tiện (hình ảnh, âm thanh,...) để làm phong phú giờ học, đáp ứng yêu cầu về trải nghiệm học tập đa dạng và kích thích sự tham gia của SV; Tổ chức tập huấn chuyên sâu về sư phạm B-learning cho GV, giúp đảm bảo chất lượng phản hồi, sự dẫn dắt học tập và vai trò “người hỗ trợ học tập” (learning facilitator) mà mô hình này đòi hỏi.

2.5.3. Nâng cấp hệ thống ED và tăng cường hỗ trợ kỹ thuật

Khắc phục các lỗi kỹ thuật lặp lại, đặc biệt là những lỗi ảnh hưởng đến hoạt động luyện nói và ghi nhận kết quả, qua đó đảm bảo SV có thể tiếp cận đầy đủ học liệu và thể hiện kết quả học tập một cách hiệu quả trong môi trường học tập kết hợp; Tối ưu hóa nền tảng ED cho điện thoại thông minh nhằm mở rộng khả năng tiếp cận học liệu, phù hợp với điều kiện thiết bị của đa số SV và tạo điều kiện thuận lợi để các em tham gia và thể hiện kết quả học tập ở mọi lúc, mọi nơi; Tăng cường tính năng phát hiện gian lận và giám sát tiến độ học tập, góp phần đảm bảo tính trung thực, đồng thời hỗ trợ quá trình theo dõi và đánh giá SV một cách chính xác; Tích hợp dữ liệu ED với hệ thống quản lý đào tạo của trường để đồng bộ hóa kết quả, tạo thuận lợi cho GV trong việc theo dõi và hỗ trợ SV.

2.5.4. Hỗ trợ sinh viên hình thành kỹ năng tự học và năng lực tự chủ

Khuyến khích SV hình thành các nhóm học tập, cộng đồng học tập trực tuyến (learning community), qua đó thúc đẩy vai trò chủ thể của người học, tăng cường khả năng tự định hướng và hỗ trợ lẫn nhau - yếu tố quan trọng trong việc duy trì động lực học tập theo Garrison & Vaughan (2008) [4]; Thiết lập cơ chế nhắc nhở tiến độ học trực tuyến thông qua hệ thống hoặc qua giảng viên nhằm giúp SV rèn luyện kỹ năng tự quản lý thời gian, duy trì nhịp độ học tập đều đặn và chủ động hướng đến mục tiêu học tập trong mỗi học phần. Những đề xuất trên được xây dựng dựa trên cả cơ sở lý luận về mô hình học tập kết hợp và thực tiễn triển khai chương trình ED tại ĐHBK Hà Nội. Việc bám sát các nguyên tắc nền tảng của blended learning (gắn kết sư phạm, tương tác, phản hồi, tự chủ, và tiếp cận tài nguyên) sẽ giúp chương trình vận hành hiệu quả hơn, từ đó phát huy tối đa vai trò của ED trong đổi mới hoạt động dạy - học Tiếng Anh ở bậc đại học.

3. Kết luận

Việc triển khai chương trình English Discoveries theo mô hình học tập kết hợp tại ĐHBK Hà Nội đã đánh dấu một bước chuyển quan trọng trong đổi mới phương pháp dạy - học Tiếng Anh cho SV khối kĩ thuật. Mô hình này không chỉ mở rộng không gian và thời lượng học tập mà còn tạo điều kiện để SV phát huy tính chủ động, nâng cao kỹ năng tự học và tiếp cận các nguồn học liệu hiện đại. Những lợi ích về tính linh hoạt, khả năng cá nhân hóa quá trình học, sự hỗ trợ của công nghệ và định hướng rõ ràng theo chuẩn đầu ra TOEIC cho thấy đây là hướng đi phù hợp với xu thế giáo dục hiện nay. Những báo cáo tổng kết gần đây cho thấy SV có mức độ tham gia và tuân thủ học tập cao, ổn định trong các năm học 2022-2025. Khoảng 98% SV tham gia học và làm bài kiểm tra trực tuyến, 82% kích hoạt tài khoản ngay trong tuần đầu. SV hoàn thành trung bình 80% nội dung học theo lộ trình, với điểm kiểm tra trung bình khoảng 75/100, đáp ứng yêu cầu chương trình và chuẩn đầu ra. Tuy nhiên, để mô hình đạt hiệu quả tối ưu cần tiếp tục hoàn thiện ở nhiều phương diện, đặc biệt là nội dung giáo trình, mức độ liên kết giữa học trực tuyến và trực tiếp, chất lượng hạ tầng kỹ thuật cũng như năng lực tự học của SV. Do đó, nhà trường cần có chiến lược điều chỉnh đồng bộ, lâu dài, có sự phối hợp giữa nhóm chuyên môn, GV và nhà cung cấp hệ thống. Nhìn chung, chương trình ED nếu được cải thiện theo các khuyến nghị đã đề xuất sẽ tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo ngoại ngữ của ĐHBK Hà Nội. Đây cũng là nền tảng để hướng tới xây dựng một mô hình học tập kết hợp hiện đại, chuẩn hóa và có khả năng nhân rộng trong bối cảnh chuyển đổi số của giáo dục đại học Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Đại học Bách khoa Hà Nội. (2025). *Quyết định số 10728/QĐ-ĐHBK, ngày 29/09/2025 về việc ban hành quy định về phân loại trình độ đầu vào, chương trình ngoại ngữ cơ bản và chuẩn ngoại ngữ yêu cầu đối với sinh viên đại học hình thức chính quy.*
- [2] English Discoveries. (2022). *English Discoveries online.* <http://ed.engdis.com/hust>.
- [3] English Discoveries. (2022). *English Discoveries workbook & English Discoveries online.* IIG Vietnam & Educational Testing Service.
- [4] Garrison, D. R., & Vaughan, N. D. (2013). *Institutional change and leadership associated with blended learning innovation: Two case studies.* The Internet and Higher Education, No 18, pp. 24-28. <https://doi.org/10.1016/j.iheeduc.2012.09.001>.
- [5] Graham, C. R. (2006). *Blended learning systems: Definition, current trends, and future directions.* In C. J. Bonk & C. R. Graham (Eds.). *Handbook of blended learning: Global perspectives, local designs* (pp. 3-21). Pfeiffer.
- [6] Holec, H. (1981). *Autonomy and foreign language learning.* Pergamon Press.
- [7] Hồ Ngọc Khương (2021). *Mô hình blended learning trong giáo dục đại học và thực tiễn áp dụng ở các trường đại học.* Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, số 45, tr. 6-11.
- [8] Nguyễn Thị Tuyết Anh, Tôn Quang Cường, Lê Hải Anh, Nguyễn Thái Bá (2025). *Tổng quan nghiên cứu về mô hình dạy học kết hợp (blended learning).* Tạp chí Giáo dục, 25(14), 13-18.